

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Theo quy định tại Điều 5 của Quy định tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Nha Trang (Ban hành kèm theo QĐ 598/QĐ-ĐHNT ngày 03/7/2017), thí sinh phải bảo vệ đề cương trước hội đồng xét tuyển. Đề cương nghiên cứu đề tài luận án tiến sĩ của nghiên cứu sinh phải bao gồm các phần cơ bản sau: tên đề tài; lý do chọn đề tài; mục tiêu nghiên cứu; đối tượng và phạm vi nghiên cứu; nội dung nghiên cứu cơ bản; phương pháp nghiên cứu; các kết quả dự kiến; dự kiến kế hoạch và kinh phí thực hiện đề tài luận án và tài liệu tham khảo.

Sau đây là các hướng dẫn, gợi ý về từng nội dung nói trên:

1. Tên đề tài

Tên đề tài cần phải phản ánh cô đọng nhất nội dung nghiên cứu của đề tài, cần khúc chiết, một nghĩa, không thể hiểu theo hai hay nhiều nghĩa, tránh các cụm từ có độ bất định cao ¹.

2. Lý do chọn đề tài của luận án

Thuyết minh lý do chọn đề tài chính là trình bày mục đích nghiên cứu. Khi thuyết minh lý do cần làm rõ 3 nội dung:

- Phân tích sơ lược lịch sử nghiên cứu và chứng minh, đề xuất nghiên cứu không lặp lại kết quả mà các đồng nghiệp đi trước đã công bố; thể hiện tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu.
- Giải thích lý do chọn đề tài của tác giả về mặt lý thuyết, về mặt thực tiễn, về tính cấp thiết hay về năng lực nghiên cứu trong đó phải thể hiện cho được tính mới và đóng góp của đề tài mặt khoa học và thực tiễn.

3. Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước

- Phân tích tóm lược tình hình nghiên cứu và chứng minh, đề xuất nghiên cứu không lặp lại kết quả mà các đồng nghiệp đi trước đã công bố.

¹ NCS nên tham khảo: *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, trang 61 (Vũ Cao Đàm, NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2009, tái bản lần thứ 16)

- Nêu các nghiên cứu tiền đề của tác giả liên quan đến đề tài trước khi đăng ký làm NCS.
- Làm rõ mức độ nghiên cứu của các đồng nghiệp đi trước để chỉ rõ đề tài sẽ kế thừa được điều gì từ đồng nghiệp, sẽ phát triển và nghiên cứu thêm những gì; khẳng định lại tính cấp thiết và lý do chọn đề tài.

Khi trình bày tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước, NCS cần dẫn chứng bằng cách trích dẫn tài liệu tham khảo.

Cách ghi trích dẫn được hướng dẫn chi tiết tại Quyết định số 1263/QĐ-ĐHNT ngày 30 tháng 9 năm 2019 về Quy định kiểu trích dẫn và lập danh mục tài liệu tham khảo tại Trường Đại học Nha Trang.

Để thực hiện theo đúng quy định, nghiên cứu sinh tham khảo tài liệu trên trang web của Phòng Đào tạo Sau Đại học trong chuyên mục Nghiên cứu sinh > Hướng dẫn với đường link:

<https://pdt Saudaihoc.ntu.edu.vn/Nghien-cuu-sinh/Huong-dan>

4. **Mục tiêu nghiên cứu**

Mục tiêu là cái đích về nội dung mà người nghiên cứu vạch ra để định hướng nỗ lực tìm kiếm. Mục tiêu là những điều cần làm trong công việc nghiên cứu. Mục tiêu trả lời câu hỏi “làm cái gì?”. Viết mục tiêu nghiên cứu bắt đầu bằng các động từ (ví dụ như: xác định, phân tích, đánh giá, ước lượng, dự báo, thiết kế, xây dựng, sản xuất, chế tạo, điều chế, chiết tách...).

5. **Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu là bản chất sự vật hoặc hiện tượng cần được xem xét và làm rõ trong nhiệm vụ nghiên cứu. Cần phân biệt và tránh nhầm lẫn giữa Đối tượng nghiên cứu với Khách thể nghiên cứu và Đối tượng khảo sát ².

Khách thể nghiên cứu là hệ thống sự vật tồn tại khách quan trong các mối liên hệ người nghiên cứu cần khám phá, là vật mang đối tượng nghiên cứu. Khách thể nghiên cứu chính là nơi chứa đựng những câu hỏi mà người nghiên cứu cần tìm câu trả lời.

Đối tượng khảo sát là một bộ phận đủ đại diện của khách thể nghiên cứu được người nghiên cứu lựa chọn để xem xét. Không bao giờ người nghiên cứu có thể đủ quỹ thời gian và kinh phí để khảo sát trên toàn bộ khách thể.

² NCS nên tham khảo: *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, trang 55 (Vũ Cao Đàm, NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2009, tái bản lần thứ 16)

Một Khách thể nghiên cứu hoặc một Đối tượng khảo sát có thể phục vụ cho nhiều Đối tượng nghiên cứu khác nhau.

6. Phạm vi nghiên cứu

Xác định phần giới hạn của nghiên cứu liên quan đến đối tượng khảo sát và nội dung nghiên cứu. Phạm vi nghiên cứu bao gồm những giới hạn về không gian của đối tượng khảo sát, giới hạn quỹ thời gian để tiến hành nghiên cứu và giới hạn quy mô nội dung được xử lý. Cơ sở để xác định phạm vi nghiên cứu có thể là:

- Một bộ phận đủ mang tính đại diện của đối tượng nghiên cứu.
- Quỹ thời gian đủ để hoàn tất công trình nghiên cứu.
- Khả năng được hỗ trợ về kinh phí, phương tiện thiết bị thí nghiệm đảm bảo thực hiện các nội dung nghiên cứu.

7. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu có thể gọi là phương pháp thu thập và xử lý thông tin.

Một trong những yếu tố ảnh hưởng tới kết quả và chất lượng của bài nghiên cứu đó là phương pháp mà người nghiên cứu sử dụng. Không có phương pháp nào được coi là hiệu quả tuyệt đối hay áp dụng được cho tất cả các đề tài. Việc áp dụng các phương pháp nghiên cứu phù hợp phụ thuộc vào đặc điểm của đề tài và sự hiểu biết của người nghiên cứu.

a) Phân loại phương pháp nghiên cứu theo logic suy luận:

- *Phương pháp diễn dịch (deductive method):*

Phương pháp diễn dịch đi từ cái tổng quát đến cái cụ thể. Từ một lý thuyết, người nghiên cứu có thể suy ra được một cách lô-gic những sự kiện đang diễn ra xung quanh. Phương pháp diễn dịch là một hình thức tranh luận mà mục đích của nó là đi đến kết luận – kết luận nhất thiết phải là hệ quả của các lý do cho trước. Các lý do này dẫn đến kết luận và thể hiện qua các minh chứng cụ thể.

- *Phương pháp quy nạp (inductive method):*

Phương pháp quy nạp hoàn toàn khác với diễn dịch. Trong quy nạp, không có mối quan hệ chặt chẽ giữa các lý do và kết quả. Một kết luận được rút ra từ một hoặc nhiều hơn minh chứng cụ thể. Các kết luận này giải thích thực tế, và thực tế ủng hộ các kết luận này.

b) Phân loại theo cách thức thu thập thông tin:

Bao gồm các phương pháp: nghiên cứu tài liệu, phi thực nghiệm, thực nghiệm, trắc nghiệm/thử nghiệm và phỏng vấn chuyên gia.

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu

Phương pháp nghiên cứu tài liệu được sử dụng đầu tiên khi người nghiên cứu bắt đầu tiếp cận đề tài nghiên cứu. Mục đích của phương pháp là để thu thập các thông tin liên quan đến cơ sở lý thuyết của đề tài, kết quả nghiên cứu liên quan đến đề tài đã được công bố, chủ trương chính sách liên quan đến đề tài và các số liệu thống kê. Các bước nghiên cứu tài liệu thường trải qua ba bước: thu thập tài liệu, phân tích tài liệu và trình bày tóm tắt nội dung các nghiên cứu trước đó.

- Phương pháp phi thực nghiệm

Là phương pháp thu thập thông tin trực tiếp từ đối tượng khảo sát nhưng không tác động lên đối tượng. Bao gồm các phương pháp:

+ Phương pháp quan sát: Nhà nghiên cứu tiếp xúc trực tiếp với đối tượng thực tế để thu thập số liệu, thông qua phương tiện quan sát trực tiếp như nghe, xem hoặc sử dụng các phương tiện ghi âm ghi hình. Phương pháp này có ưu điểm là giúp ghi nhận sự việc đang xảy ra một cách trực tiếp, ít tốn kém và ít gây phản ứng từ đối tượng khảo sát. Tuy nhiên nhược điểm đó là khó lượng hóa số liệu và khó thực hiện trên quy mô lớn.

+ Phương pháp phỏng vấn: Là phương pháp đưa ra những câu hỏi đối với người đối thoại để thu thập thông tin. Các hình thức phỏng vấn bao gồm phỏng vấn phát hiện, phỏng vấn sâu, phỏng vấn chuẩn bị trước, không chuẩn bị trước, phỏng vấn trực tiếp và phỏng vấn gián tiếp. Phương pháp này có ưu điểm đó là linh hoạt, mềm dẻo, người nghiên cứu có thể quan sát được những ứng xử không lời và có thể kiểm soát được bối cảnh phỏng vấn. Tuy nhiên nhược điểm đó là tốn kém thời gian, công sức, khó triển khai trong các nghiên cứu diện rộng và dễ ảnh hưởng bởi quan điểm, định kiến của người phỏng vấn.

+ Phương pháp điều tra bảng hỏi: Đây thực chất cũng là một hình thức phỏng vấn nhưng tuân thủ các câu hỏi cố định trong bảng hỏi. người nghiên cứu có thể hỏi trực tiếp, qua điện thoại hoặc qua thư tín. Mỗi hình thức điều tra lại có một ưu điểm và nhược điểm khác nhau (dẫn link bài bảng hỏi khảo sát). Điều tra bảng hỏi là một trong những phương pháp thường được sử dụng trong nghiên cứu kinh tế.

+ Phương pháp hội nghị: Trong phương pháp này, người nghiên cứu sẽ đưa câu hỏi cho một nhóm chuyên gia thảo luận tại các hội nghị khoa học. Ưu điểm của phương pháp này là có thể nghe được ý kiến tranh luận từ các chuyên gia. Tuy nhiên

nhược điểm đó là người quan sát dễ bị chi phối bởi những người có tài hùng biện, nguy hiểm, có uy tín khoa học hoặc có địa vị xã hội cao.

- Phương pháp thực nghiệm

Đây là phương pháp thu thập thông tin được thực hiện bởi những quan sát trong điều kiện gây biến đổi đối tượng khảo sát và môi trường xung quanh. Phương pháp thực nghiệm được dùng trong nhiều tình huống như kiểm chứng giải pháp giả thuyết; Lặp lại giải pháp trong quá khứ... Phương pháp thực nghiệm bao gồm Phương pháp thực nghiệm thử và sai, phương pháp thực nghiệm phân đoạn (Heuristic) và Phương pháp thực nghiệm trên mô hình.

Khi thực nghiệm, cần phải tiến hành quy hoạch thực nghiệm. Có nhiều phương pháp quy hoạch thực nghiệm như: quy hoạch thực nghiệm toàn phần, quy hoạch thực nghiệm theo ma trận trực giao, phương pháp Box-Behnken, central composite....

Phương pháp thu thập thông tin được phân chia thành các nhóm phương pháp nghiên cứu tài liệu, phương pháp phi thực nghiệm và phương pháp thực nghiệm.

Đối với lĩnh vực kinh tế, người ta thường chia ra phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu định lượng.

a) Phương pháp định tính:

Trong phương pháp này, nhà nghiên cứu thường đưa ra các nhận định tri thức chủ yếu dựa vào các quan điểm. Ví dụ như các kinh nghiệm của nhiều cá nhân, các quan điểm dựa trên hiện tượng thực tế hoặc từ sự kiện lịch sử. Phương pháp này sử dụng các chiến lược tìm hiểu như tường thuật, hiện tượng học, dân tộc học, nghiên cứu lý thuyết cơ sở, hay nghiên cứu tình huống. Nhà nghiên cứu thu thập những thông tin mới xuất hiện, có kết thúc mở, với dự định triển khai các chủ đề từ số liệu.

b) Phương pháp định lượng

Trong phương pháp này, nhà nghiên cứu chủ yếu sử dụng các nhận định hậu thực chứng để triển khai tri thức. Tức là sử dụng tư duy nguyên nhân – kết quả, thu gọn thành các biến số cụ thể, các câu hỏi và giả thiết nghiên cứu, sau đó sử dụng các đại lượng đo lường và quan sát để kiểm định các giả thiết đó.

Các phương pháp xử lý thông tin:

Có 2 phương hướng xử lý thông tin:

- Xử lý toán học đối với các thông tin định lượng bằng các phép toán đại số và giải tích, thống kê, hồi quy và các mô hình toán học khác. Phép thống kê

toán thường được sử dụng để xác định xu hướng diễn biến của tập hợp số liệu thu thập được, tức là xác định quy luật thống kê của tập hợp số liệu.

- Xử lý logic đối với các thông tin định tính. Đây là việc đưa ra những phán đoán về bản chất các sự kiện, đồng thời thể hiện những liên hệ logic của các sự kiện, các phân hệ trong hệ thống các sự kiện được xem xét.

Các thông tin định lượng và định tính cần được xử lý để xây dựng các luận cứ, khái quát hóa để làm bộc lộ các quy luật, phục vụ cho việc chứng minh hoặc bác bỏ giả thuyết khoa học.

8. **Nội dung nghiên cứu:**

Trình bày các nội dung chính được nghiên cứu trong luận án.

9. **Dự kiến kế hoạch thực hiện:**

STT	Nội dung	Thời gian	Kết quả dự kiến	Nơi thực hiện
1	Nhiệm vụ 1			
2	Nhiệm vụ 2			
...				
	Seminar			
	Viết báo, đăng báo			
	Nộp luận án cấp cơ sở			
				
	Nộp luận án cấp trường			
	Bảo vệ luận án			
				

10. **Dự kiến phương tiện, nguyên vật liệu và kinh phí thực hiện đề tài**

11. **Tài liệu tham khảo**

Cách ghi danh mục tài liệu tham khảo được hướng dẫn chi tiết tại Quyết định số 1263/QĐ-ĐHNT ngày 30 tháng 9 năm 2019 về Quy định kiểu trích dẫn và lập danh mục tài liệu tham khảo tại Trường Đại học Nha Trang.

12. **Phụ lục (nếu có)**

Ghi chú: Đề cương được trình bày theo Hướng dẫn trình bày luận án và tóm tắt luận án tiến sĩ của Trường ĐH Nha Trang.

Trình bày trang bìa (như dưới đây).

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**

**ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU
ĐỀ TÀI LUẬN ÁN TIẾN SĨ**

Ngành đào tạo:

Mã số:

Đề tài: (TÊN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN)

PHỤ LỤC

Tiêu chuẩn của một nghiên cứu tốt:

1. Mục đích, mục tiêu nghiên cứu rõ ràng
2. Quá trình nghiên cứu được chi tiết hóa,
3. Thiết kế nghiên cứu được hoạch định một cách chi tiết
4. Giới hạn (phạm vi nghiên cứu) nghiên cứu được trình bày rõ ràng
5. Đảm bảo tiêu chuẩn đạo đức nghiên cứu (sao chép, tự tạo dữ liệu)
6. Kết quả nghiên cứu được trình bày một cách rõ ràng, mạch lạc, không mơ hồ
7. Các kết luận được chứng minh, bình luận với các nghiên cứu trước có nền tảng và cơ sở vững chắc
8. Những kinh nghiệm của người nghiên cứu được phản ánh trong nghiên cứu

Tiêu chuẩn đối với đề tài tiến sĩ:

- F là feasible (tính khả thi)
- I là interesting (tính thú vị)
- N là novelty (có cái mới)
- E là ethics (đáp ứng tiêu chuẩn đạo đức)
- R là relevance (có ảnh hưởng)

Tính mới trong nghiên cứu khoa học:

- Những nghiên cứu có giá trị thường đóng góp thông tin mới, dữ liệu mới.

Một nghiên cứu chỉ đơn thuần lặp lại những gì người khác đã làm là không xứng đáng, tốn tiền và công sức (trừ một số trường hợp).

Cái mới trong nghiên cứu đó là gì:

1. mới về ý tưởng,
2. mới về cách tiếp cận,
3. mới về phương pháp,

4. mới về kết quả,
5. hoặc mới về cách diễn giải

(Ngày nay, rất khó có một nghiên cứu hoàn toàn mới, mà chỉ mới trong một hay hai khía cạnh trên) Khó có “đóng góp nguyên thủy” (original contribution) được hiểu là sáng tạo ra tri thức mới.

Nói cách khác: các trường hợp sau cũng có thể gọi là có tính mới

- Ý tưởng cũ nhưng dữ liệu mới.
- Dữ liệu mới + ý tưởng mới hay cách diễn giải mới
- Dữ liệu cũ nhưng ý tưởng mới hay cách diễn giải mới

Một số ví dụ về “cái mới” trong nghiên cứu khoa học:

1. Phát triển một lí thuyết mới (trường hợp này khó và hiếm).
2. Diễn dịch lại hay xét lại một lí thuyết hiện hành trong bối cảnh mới.
3. Phát triển một công cụ nghiên cứu mới hay một kĩ thuật mới.
4. Phát triển một mô hình mới để tiếp cận một vấn đề cũ.
5. Thực hiện những nghiên cứu chuyên sâu (phân tích, điều tra...) về một vấn đề chưa từng biết đến trước đây hay chưa từng được điều tra trước đây.
6. Phát triển một sản phẩm mới, hay cải tiến sản phẩm hiện có.
7. Cung cấp dữ liệu mới (kết quả mới) hay kết luận mới chưa từng có trước đây.